

Bản án số: 03/2018/HNGĐ-ST.
Ngày: 19-6-2018.
“Về việc ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÙ LAO DUNG, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Liên Lâm Anh Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Hồng Phúc.

Bà Tiêu Thị Phương Bắc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Nguyệt – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung tham gia phiên tòa: Ông Bùi Văn Minh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 6 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 133/2017/TLST-HNGĐ, ngày 18 tháng 12 năm 2017 “Về việc ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2018/QĐXX-ST ngày 03 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Võ Văn C, sinh năm: 1984 (có mặt).

Cư trú tại: Số nhà 07, ấp A, xã A, huyện C, tỉnh S.

- Bị đơn: Chị Lê Tuyết N, sinh năm: 1988 (vắng mặt).

Cư trú tại: Số nhà 07, ấp A, xã A, huyện C, tỉnh S.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện ngày 14/12/2017 và trong biên bản lấy lời khai của đương sự do Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung lập ngày 27/4/2017, nguyên đơn là anh Võ Văn C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh C và chị Lê Tuyết N kết hôn vào ngày 18/11/2009, kết hôn trên sự tự nguyện của anh chị, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã An Thạnh 1, huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng. Sau khi kết hôn anh C và chị N chung sống hạnh phúc, đến tháng 01 năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng ý

kiến, nên cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, anh C và chị N sống ly thân từ tháng 4 năm 2014 cho đến nay. Từ khi sống ly thân chị N đã bỏ nhà đi biệt tích, không có tin tức gì, anh C đã tìm kiếm chị N nhiều lần nhưng không gặp, nên anh C đã yêu cầu Tòa án tuyên bố chị N mất tích. Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung đã ban hành Quyết định số: 02/2017/QĐDS-ST, ngày 31/3/2017 tuyên bố chị N mất tích. Vì chị N đã mất tích, nên anh C làm đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với chị N.

Về con chung: Trong thời gian chung sống anh C và chị N có 01 người con chung tên Võ Lê Phương T, sinh ngày 16/02/2012. Khi chị N bỏ đi biệt tích thì chị N dẫn cháu T đi theo cho đến nay, nên anh C không biết cháu T đang ở đâu, còn sống hay đã chết. Do không xác định được cháu T còn sống hay đã chết, nên anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh C xác định anh và chị N không có tài sản chung và nợ chung, nên anh không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay anh Võ Văn C vẫn giữ nguyên yêu cầu trên.

* Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung đã tuyên bố mất tích đối với bị đơn là chị Lê Tuyết N, nên chị N không cung cấp bản tự khai và Tòa án cũng không thể tiến hành lấy lời khai của chị N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Lê Tuyết N là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do, vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt chị N.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Võ Văn C và chị Lê Tuyết N tự nguyện kết hôn khi đã đủ tuổi kết hôn và đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8 của Luật hôn nhân và gia đình, anh chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã An Thạnh 1, huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng theo quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình, nên hôn nhân của anh C và chị N là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc, đến tháng 01 năm 2014 do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, nên phát sinh mâu thuẫn, anh chị chung sống không còn hạnh phúc. Anh chị không cùng nhau khắc phục, tìm biện pháp giải quyết, động viên, an ủi nhau để hàn gắn lại hạnh phúc gia đình, nên mâu thuẫn ngày càng trở nên trầm trọng, đến tháng 4 năm 2014 thì chị N đã bỏ nhà đi biệt tích cho đến nay.

Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung đã ban hành Quyết định số: 02/2017/QĐDS-ST, ngày 31/3/2017 tuyên bố chị N mất tích.

Xét thấy: Chị N đã mất tích, anh C yêu cầu được ly hôn với chị N là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, nên Hội đồng xét xử chấp nhận, xử cho anh C được ly hôn với chị N.

[3] Về con chung: Anh Võ Văn C xác định trong thời gian chung sống anh và chị Lê Tuyết N có 01 người con chung tên Võ Lê Phương T, sinh ngày 16/02/2012. Khi chị N bỏ đi biệt tích thì chị N dẫn cháu T đi theo cho đến nay, nên anh C không biết cháu T đang ở đâu, còn sống hay đã chết. Do không xác định được cháu T còn sống hay đã chết, anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Anh Võ Văn C xác định trong thời gian chung sống anh và chị Lê Tuyết N không có tài sản chung và nợ chung, anh không có yêu cầu gì, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, buộc anh Võ Văn C phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng anh C được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0006235 ngày 18 tháng 12 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cù Lao Dung, như vậy anh C đã nộp xong tiền án phí dân sự sơ thẩm; chị Lê Tuyết N không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 8, khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Điều 26 của Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Võ Văn C.

1. Về hôn nhân: Xử cho anh Võ Văn C được ly hôn với chị Lê Tuyết N.
2. Về con chung: Anh Võ Văn C không có yêu cầu gì, nên không đặt ra xem xét giải quyết.
3. Về tài sản chung và nợ chung: Anh Võ Văn C không có yêu cầu gì, nên không đặt ra xem xét giải quyết.
4. Án phí dân sự sơ thẩm: Anh Võ Văn C phải nộp 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng anh C được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu tiền số 0006235 ngày 18 tháng 12 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cù Lao Dung, như vậy anh C đã nộp xong tiền án phí dân sự sơ thẩm; chị Lê Tuyết N không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.
5. Về quyền kháng cáo bản án: Nguyên đơn anh Võ Văn C có quyền kháng cáo

bản án này trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đối với bị đơn chị Lê Tuyết N không có mặt tại phiên tòa thì có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày bản án được niêm yết.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Cù Lao Dung;
- Chi cục THADS huyện Cù Lao Dung;
- UBND xã An Thạnh 1;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Liên Lâm Anh Thảo